

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2024/HS-PT

Ngày: 03/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thái

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Cường

Bà Vũ Thị Thanh Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tuấn - Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 111/2024/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thanh P do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 110/2024/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thanh P, sinh năm 1980 tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trung T và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Phùng Thị T1 (đã ly hôn) và 04 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:

Bị hại: Bưu điện huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật:

Bà Huỳnh Thị N, sinh năm: 1973; Chức vụ: Giám đốc Bưu điện huyện B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh P là nhân viên hợp đồng lái xe ô tô vận chuyển bưu chính của Bưu điện huyện B. P còn được lãnh đạo Bưu điện phân công nhiệm vụ vận chuyển hàng hóa giao cho các Bưu cục văn hóa xã thuộc Bưu điện huyện quản lý và giao hàng trực tiếp cho khách hàng nhận đơn hàng, đồng thời nhận tiền từ các Bưu cục và khách hàng giao nộp cho Bưu điện huyện B thông qua kế toán. Lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Nguyễn Thanh P đã chiếm đoạt tài sản (Tiền) của Bưu điện huyện B, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào khoảng 14 giờ 00 ngày 11/02/2023, Nguyễn Thanh P đến Bưu điện huyện B nhận hàng hóa để chuyển giao cho Bưu cục văn hóa xã B và Bưu cục văn hóa xã H thuộc Bưu điện huyện B. Sau khi giao hàng hóa cho các Bưu cục văn hóa xã thì P được Nguyễn Thị Q là giao dịch viên Bưu cục văn hóa xã H giao cho P nhận số tiền là 40.850.000 đồng và Huỳnh Thị N1 là giao dịch viên Bưu cục văn hóa xã B giao cho P nhận số tiền là 8.500.000 đồng để P đem về nộp cho Kế toán của Bưu điện huyện B. Nhưng sau khi nhận tiền từ 02 nhân viên của các Bưu cục văn hóa xã thì P nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên và không nộp lại cho kế toán theo quy định của Bưu điện huyện mà lấy sử dụng hết cho cá nhân.

Lần 2: Trong ngày 11/02/2023, Đào Thị Thúy H là Tổ trưởng Bưu phát thuộc Bưu điện huyện B có giao cho P 06 đơn hàng và P đã dùng xe ô tô của Bưu điện để đi giao trực tiếp cho khách hàng có đơn hàng. Đến ngày 14/02/2023, P chỉ giao được 01 đơn hàng cho khách ở xã P và thu số tiền của đơn hàng của khách hàng đưa là 3.960.000 đồng. Sau đó, P báo lên hệ thống của Bưu điện biết. Nhưng P không nộp lại số tiền này cho kế toán theo như hệ thống đã báo mà sử dụng cho cá nhân, 05 đơn hàng còn lại ở trên xe ô tô P chưa giao.

Ngày 14/02/2023, Nguyễn Thị Mỹ H1 là Kế toán của Bưu điện huyện B, kiểm tra phần mềm và báo cáo của các Bưu cục văn hóa xã B và xã H thì phát hiện vào ngày 11/02/2023, P đã nhận tiền trực tiếp từ Bưu cục văn hóa xã H với số tiền là 40.850.000 đồng và Bưu cục văn hóa xã B với số tiền 8.500.000 đồng nhưng chưa nộp lại cho Bưu điện huyện B. Qua xác minh, H1 biết Bưu cục văn hóa xã H và xã B có báo cáo là P đã nhận số tiền nêu trên với tổng cộng số tiền là 49.350.000 đồng nên H1 trực tiếp liên hệ ngay cho P bằng điện thoại thì được P xác nhận là có nhận số tiền từ 02 Bưu cục văn hóa xã H và xã B tổng cộng là 49.350.000 đồng và hẹn đầu giờ chiều ngày 14/02/2023, P sẽ lên nộp lại cho Kế toán Bưu điện huyện B. Không thấy P đến nộp tiền thì H1 tiếp tục gọi điện thoại cho P thì P tiếp tục hẹn lại đến 16 giờ cùng ngày sẽ nộp lại số tiền trên. Đến 16 giờ 00 ngày 14/02/2023, P đến Bưu điện huyện B gặp H1 và H1 yêu cầu P nộp lại tổng số tiền là 49.350.000 đồng đã nhận từ Bưu cục văn hóa xã B và xã H vào ngày 11/02/2023 thì P trả lời số tiền đó P để ở đâu không nhớ.

Vào đầu giờ chiều ngày 14/02/2023, P thông báo cho Đào Thị Thúy H là Tổ trưởng Bưu cục phát thuộc Bưu điện huyện B biết là tối ngày 14/02/2023 P đi giao hàng cho khách. Đến sáng ngày 15/02/2023, H gọi điện thoại cho P hỏi P có giao hàng cho khách được không thì P trả lời đã giao được 01 đơn hàng cho

khách ở xã P, Hà nhắc P nhớ nộp tiền đơn hàng đã giao được cho Bưu cục phát, P hứa sẽ nộp. Khi H kiểm tra trên hệ thống thì thấy hệ thống phản ánh số tiền đã được nộp 3.960.000 đồng, nhưng tiền mặt P chưa nộp cho Bưu cục phát để Bưu cục phát nộp lại cho Kế toán Bưu điện huyện B.

Kế toán của Bưu điện huyện B tiếp tục kiểm tra phần mềm thì phát hiện vào ngày 14/02/2023, P chỉ giao 01 đơn hàng cho khách ở xã P và thu số tiền của đơn hàng từ khách hàng là 3.960.000 đồng, nhưng P không nộp lại số tiền này cho kế toán theo như hệ thống đã báo.

Sau khi phát hiện sự việc, P khai nhận đã chiếm đoạt của Bưu điện huyện B với tổng số tiền là 53.310.000 đồng nên Kế toán Bưu điện huyện B đã báo cáo cho bà Huỳnh Thị N là Giám đốc Bưu điện huyện B biết sự việc trên và bà N đã trực tiếp liên hệ cho P nhiều lần bằng điện thoại, yêu cầu P nộp lại số tiền đã chiếm đoạt thì P hứa hẹn sẽ nộp lại. Sau đó, P nói số tiền trên P để ở đâu không nhớ nhưng thực chất P đã sử dụng vào mục đích trả nợ nên không còn tiền để nộp lại cho Bưu điện huyện B. Ngày 15/02/2023, P tự ý nghỉ việc. Do đó, bà N làm đơn trình báo toàn bộ sự việc nêu trên cho Cơ quan Công an huyện B.

Đối với Huỳnh Thị N là Giám đốc Bưu điện huyện B biết sự việc ông Nguyễn Thanh P chiếm đoạt số tiền 53.310.000 đồng vào các ngày 11/02/2023 và 14/02/2023 từ Bưu cục văn hóa 02 xã và từ khách hàng nhận đơn hàng nhưng P không nộp về cho Bưu điện huyện thì bà N đã liên hệ cho P để yêu cầu P nộp lại số tiền trên nhưng P né tránh không nộp. Xét về trách nhiệm quản lý thì bà N cũng đã thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động của Bưu điện huyện và vì số tiền thiệt hại chưa đủ định lượng nên không cấu thành tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và việc xử lý vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thanh P đã khắc phục được toàn bộ số tiền bị thiệt hại là 53.310.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 110/2024/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình đã quyết định:

Căn cứ vào c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh P phạm tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh P 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 04/10/2024, bị cáo Nguyễn Thanh P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 09/10/2024, người đại diện hợp pháp của bị hại Bưu điện huyện B

có đơn kháng cáo xin cho bị cáo Nguyễn Thanh P được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh P và kháng cáo của bị hại Bưu điện huyện B; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 110/2024/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

- Ý kiến của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt do hoàn cảnh gia đình khó khăn con còn nhỏ.

- Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị hại: Đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt, bản thân bị cáo có quá trình công tác tại Bưu điện H2 tốt nhiệm vụ, gia đình nay cũng khó khăn. Bưu điện đã nhận lại đủ số tiền phía bị cáo P chiếm đoạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo, đại diện bị hại trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giải quyết theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thanh P phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Nguyễn Thanh P là nhân viên hợp đồng lái xe ô tô vận chuyển bưu chính của Bưu điện huyện B, có nhiệm vụ, quyền hạn là vận chuyển hàng hóa giao cho các Bưu cục văn hóa xã thuộc Bưu điện huyện quản lý và giao hàng trực tiếp cho khách hàng nhận đơn hàng, đồng thời nhận tiền từ các Bưu cục văn hóa xã và khách hàng giao nộp cho Bưu điện huyện B thông qua kế toán. Trong ngày 11/02/2023, bị cáo P nhận tiền từ Bưu cục văn hóa xã H số tiền 40.850.000đ, Bưu cục văn hóa xã B số tiền 8.500.000đ. Sáng ngày 14 tháng 02 năm 2023, bộ phận kế toán kiểm tra phát hiện bị cáo đã nhận tiền các bưu cục văn hóa xã. Đồng thời, chiều ngày 14/02/2024, bị cáo tiếp tục thu tiền từ đơn hàng do khách hàng đưa số tiền 3.960.000đ nhưng không giao tiền lại cho kế toán Bưu điện huyện B mà đã sử dụng tiêu xài cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt 03 lần với tổng số tiền là 53.310.000 đồng. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Tham ô tài sản” với tình tiết định khung hình phạt là phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, bị hại, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Tại đơn kháng cáo và phiên tòa phúc thẩm bị cáo, đại diện bị hại trình bày cùng lý do kháng cáo là bị cáo đã khắc phục được toàn bộ số tiền bị cáo chiếm đoạt, có hoàn cảnh khó khăn do đang nuôi 04 con, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên xin giảm nhẹ hình phạt.

Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thanh P thành khẩn khai báo, khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, bị cáo có nhân thân tốt và người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm hình phạt nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và phạt mức án 03 năm 06 tháng tù là phù hợp, thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật. Đối với lý do bị cáo kháng cáo có hoàn cảnh khó khăn do đang nuôi 04 con nhỏ, theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự thì hiện nay bị cáo đã ly hôn và các con do vợ bị cáo nuôi, bị cáo không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hơn nữa, lý do nuôi con nhỏ không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định Bộ luật Hình sự.

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Xét tính chất, mức độ và hậu quả từ hành vi của bị cáo, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đại diện bị hại về việc xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thanh P. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh P và bị hại Bưu điện huyện B, tỉnh Bình Thuận. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 110/2024/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh P phạm tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Thanh P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

2. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thanh P phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (03/12/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND, VKSND, CQCSĐT Công an huyện Bắc Bình;
- Chi cục THADS huyện Bắc Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- PV06 – Công an tỉnh Bình Thuận;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thái